TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 24/2021/DS-ST.
Ngày: 12/4/2021.
V/v: "T/c hợp đồng vay tài sản và nợ hụi".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Phạm Hồng Gái

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số: 383/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST – DS, ngày 26/3/2021 giữa các đương sự:

1/ N1 đơn: Chị **Lê Thị Tú L**, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Giàn Gừa, xã Sơn Bình, huyện huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm N**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Giàn Gừa, xã Sơn Bình, huyện HĐ, tỉnh KG.

3/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Huỳnh Hoàng N1**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

- Ông **Huỳnh Văn C**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Giàn Gừa, xã Sơn Bình, huyện huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2020 và tại phiên tòa N1 đơn chị Lê Thị Tú L trình bày như sau:*

Vào năm 2017 chị Nguyễn Thị Cẩm N có tham gia 03 dây hụi do chị L làm chủ. Cụ thể các dây hụi như sau:

- Dây hụi số 1: Hụi tháng áp ngày 15/01/2017, hụi có 32 đầu, mỗi đầu 1.000.000 đồng/tháng, chị N tham gia 01 đầu. Ngày 15/3/2017 chị N hốt (sổ lần thứ 3) với số tiền là 19.770.000 đồng, sau khi hốt hụi chị N đã đóng hụi chết được 18 lần với số tiền là 18.000.000 đồng, còn lại 11 lần với số tiền 11.000.000 đồng chưa đóng.

- Dây hụi số 2: Hụi áp ngày 20/10/2017, hụi có 43 đầu, hụi nữa tháng sổ 1 lần, mỗi đầu hụi là 500.000 đồng, chị N tham gia 03 đầu. Ngày 20/10/2017 chị N hốt 01 đầu (hốt đầu) với số tiền là 13.190.000 đồng. Sau khi hốt hụi chị N đóng hụi chết được 19 lần với số tiền là 9.500.000 đồng, còn lại 24 lần với số tiền 12.000.000 đồng thì chưa đóng. Đến ngày 20/11/2017 chị N hốt đầu 2 (sổ lần 3) với số tiền là 12.750.000 đồng, chị N đã đóng được 17 lần hụi chết với số tiền là 8.500.000 đồng, còn lại 24 tháng với số tiền 12.000.000 đồng chưa đóng. Đến ngày 05/12/2017 chị N tiếp tục hốt đầu hụi 3 (sổ lần 4) với số tiền là 12.750.000 đồng, chị N đã đóng được 16 lần hụi chết với số tiền 8.000.000 đồng, còn lại 24 lần với số tiền 12.000.000 đồng thì chưa đóng. Tổng cộng dây hụi này phía chị Cẩm N còn nợ tiền hụi chết là 36.000.000 đồng.

- Dây hụi số 3: Hụi tuần áp ngày 20/10/2017, hụi có 50 đầu, mỗi đầu 200.000đồng/tuần, chị N tham gia 02 đầu. Ngày 20/10/2017 chị N hốt 01 chân (sổ lần 1) với số tiền là 7.250.000 đồng, sau khi hốt hụi chị N đóng được 8.600.000 đồng hụi chết (43 lần), còn lại 7 lần với số tiền 1.400.000 đồng chưa đóng. Đến ngày 24/02/2018 chị N hốt đầu còn lại (sổ lần 19) với số tiền là 7.150.000 đồng, chị N đã đóng được 24 lần hụi chết với số tiền là 4.800.000 đồng, còn lại 7 lần với số tiền là 1.400.000 đồng chưa đóng. Tổng cộng dây hụi này chị N còn nợ 2.800.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi chết của 03 dây hụi trên chị N còn nợ là 49.800.000 đồng.

Ngoài ra vào năm 2018 vợ chồng chị N còn vay tiền của chị L 02 lần vào ngày 18/7/2017 vay 10.000.000 đồng và ngày 18/02/2018 vay thêm 14.880.000 đồng. Như vậy vợ chồng chị N còn nợ tiền hụi và tiền vay tổng cộng là 74.680.000 đồng. Đến ngày 22/01/2019 chị L làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, tại biên

bản hòa giải của ấp Giàn Gừa, xã Sơn Bình vợ chồng chị N thừa nhận nợ và hứa mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, tuy Nên sau đó vợ chồng chị N chỉ trả được 5.000.000 đồng đến nay không trả nữa.

Tại phiên tòa chị L khởi kiện yêu cầu chị N và chồng là anh Huỳnh Hoàng N1 phải trả cho chị L số tiền hụi và vay còn nợ là 69.680.000 đồng, chị N không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nh Huỳnh Hoàng N1:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N và anh N1 nhưng phía chị N và anh N1 không đến Tòa án làm việc, đồng thời cũng có văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L và không cung cấp tài liệu chứng cứ nào nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị N và anh N1.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/02/2021 bà Vũ Thị Sâm trình bày như sau:*

Bà Vũ Thị Sâm là mẹ ruột của anh N1 và là mẹ chồng của chị N. Bà là người trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho chị N và anh N1, bà đã giao lại cho vợ chồng anh N1 đầy đủ, anh N1 và chị N biết rõ nội dung vụ kiện nhưng vì đi làm ăn xa nên không thể đến Tòa án làm việc được.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/02/2021 anh Huỳnh Văn C trình bày như sau:* Anh C là chồng của chị L, ngày 22/01/2019 anh có tham gia phiên hòa giải tại trụ sở ấp Giàn Gừa, xã Sơn Bình về việc vợ chồng chị N nợ tiền hụi và tiền vay của vợ chồng anh, phía vợ chồng anh N1 hứa mỗi tháng trả 2.000.000 đồng nhưng sau đó chỉ trả được 5.000.000 đồng. Số tiền vay và tiền hụi là tài sản chung của anh và chị L nhưng nay chị L đứng đơn khởi kiện thì anh cũng không có ý kiến gì.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/02/2021 ông Trần Thanh Kiếm trình bày như sau:* vào ngày 22/01/2019 ông có chủ trì phiên hòa giải tranh chấp nợ hụi và vay tài sản giữa vợ chồng chị L, anh C và chị N, anh N1 tại trụ sở ấp Giàn Giừa, xã Sơn Bình. Tại buổi hòa giải đó vợ chồng chị N, anh N1 thừa nhận có nợ vợ chồng chị L số tiền hụi là 49.000.000 đồng và tiền vay là 24.880.000 đồng. Vợ chồng chị N hứa mỗi tháng trả 2.000.000 đồng đến khi hết nợ, còn việc phía vợ chồng chị N có thực hiện không thì ông không biết rõ.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng N1 tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N1 đơn. Buộc vợ chồng anh Huỳnh Hoàng N1 và chị Nguyễn Thị Cẩm N phải liên đới trả cho chị Lê Thị Tú L số tiền vay và hụi còn nợ là 69.680.000 đồng. Đồng thời buộc anh N1 và chị N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Tú L khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Huỳnh Hoàng N1 phải liên đới trả số tiền vay và tiền hụi còn nợ là 69.680.000 đồng. Chị N và anh N1 đều cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Hoàng N1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử (HĐXX) vẫn tiến hành giải quyết vắng mặt những này.

[3] Về nội dung vụ án: Qua lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX có cơ sở xác định như sau: Vào năm 2017 chị Nguyễn Thị Cẩm N có tham gia 03 dây hụi do chị Lê Thị Tú L làm chủ, gồm: Dây hụi tháng mở ngày 15/01/2017, mỗi đầu 1.000.000 đồng/tháng, chị N tham gia 01 đầu, ngày 15/3/2017 chị N hốt với số tiền là 19.770.000 đồng, chị N đã đóng hụi chết được 18 lần, còn lại 11 lần với số tiền 11.000.000 đồng chưa đóng. Dây hụi nữa tháng mở ngày 20/10/2017, mỗi đầu hụi

là 500.000 đồng, chị N tham gia 03 đầu. Chị N đã hốt vào các ngày 20/10/2017, 20/11/2017 và 05/12/2017, đối với dây hụi này chị N còn nợ số tiền hụi chết là 36.000.000 đồng và dây hụi tuần mở ngày 20/10/207, mỗi đầu 200.000 đồng/tuần, chị N tham gia 02 đầu, chị N hốt vào ngày 20/10/2017 và ngày 24/02/2018, sau khi hốt hụi thì còn nợ số tiền hụi chết là 2.800.000 đồng.

Ngoài ra số tiền hụi trên thì vào năm 2018 vợ chồng chị N còn vay của chị L số tiền là 24.880.000 đồng (vay ngày 18/7/2017 và ngày 18/02/2018). Như vậy tổng cộng số tiền hụi và tiền vay vợ chồng chị N còn nợ chị L là 74.680.000 đồng (tiền hụi 49.800.000 đồng và tiền vay là 24.880.000 đồng). Đến năm 2019 vợ chồng chị N đã trả được 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa chị L yêu cầu chị N và anh N1 phải trả cho chị số tiền còn nợ là 69.680.000 đồng, trong đó gồm 19.880.000 đồng tiền vay và 49.800.000 đồng tiền hụi. Hội đồng xét xử nhận thấy tuy quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị N và anh N1, số nợ của các bên cũng chưa được tổng kết lại với nhau nhưng tại Biên bản hòa giải của Ban lãnh đạo ấp Giàn Gừa, xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất (BL 04) chị N và anh N1 đã thừa nhận có nợ chị L và anh C số tiền vay và tiền hụi tổng cộng là 74.680.000 đồng, vợ chồng chị N hứa sẽ trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ và vợ chồng chị N đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình bằng việc đã trả được cho chị L số tiền 5.000.000 đồng. Như vậy việc chị L yêu cầu vợ chồng chị N và anh N1 trả cho chị số tiền vay và tiền hụi còn nợ 69.680.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.*"

Tại Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về Trách Nệm của thành viên không góp phần họ: *"Trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách Nệm đối với chủ họ như sau:*

1. Hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên.

2. Trả lãi đối với số tiền chậm góp họ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này.

3. Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây họ có thỏa thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự.

4. Bồi thường thiệt hại (nếu có).”

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

Từ những lập luận và viện dẫn nêu trên, HĐXX xét thấy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N1 đơn. Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Huỳnh Hoàng N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Tú L số tiền vay và tiền hụi còn nợ là 69.680.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm : Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Huỳnh Hoàng N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.484.000 đồng (69.680.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tú L. Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Huỳnh Hoàng N1 có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Tú L số tiền vay và tiền hụi còn nợ là 69.680.000 đồng (Sáu mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng). Trong đó tiền vay là 19.880.000 đồng và tiền hụi là 49.800.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm

trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/.Về án phí DSST: Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Huỳnh Hoàng N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.484.000 đồng.

Hoàn trả lại cho chị Lê Thị Tú L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.742.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001398 ngày 04/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Án xử C khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết C khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn An